TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 375/2026/HNGĐ-ST Ngày: 25 - 02 - 2026 V/v ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Châu Thị Hồng Đào

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đức Vinh

2. Ông Võ Bút Thông

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyến là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Hồ Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 02 năm 2026, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 786/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5966/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 70/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1980; địa chỉ: số H đường L, khu phố C, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Túy P, sinh năm 1979; địa chỉ: số H đường L, khu phố C, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ông T và bà P vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 6 năm 2025, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, ông Nguyễn Thanh T là nguyên đơn trình bày:

Ông và bà P tự nguyện chung sống vào năm 2010, ly hôn vào năm 2022.

Ngày 18/6/2024, ông và bà P đã đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân phường A (phường A, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông và bà P chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2024 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, không chăm sóc, chia sẻ và không yêu thương nhau. Vợ chồng không giải tỏa được mâu thuẫn nên sống ly thân cho đến nay. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Ông giao cho bà P trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Trần Thế P1, sinh ngày 10/7/2010 và Nguyễn Trần Huy T1, sinh ngày 15/02/2013 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Trần Thế P1 là 3.000.000 đồng/tháng và Nguyễn Trần Huy T1 là 3.000.000 đồng/tháng.

Về chia tài sản khi ly hôn, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Bị đơn – bà Trần Túy P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà P vắng mặt.

Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà P nhưng bà P không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và cũng không có ý kiến đối với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

3.1 Về việc tuân theo pháp luật:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng qui định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách của đương sự; thu thập chứng cứ …

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025

3.2 Về nội dung vụ án:

Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 8, 9, 56, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ông T yêu cầu ly hôn với bà P. Bà P cư trú tại phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án, đây là tranh chấp về ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

- Hôn nhân giữa ông T và bà P là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 68/2024 ngày 18/6/2024 của Ủy ban nhân dân phường A, quận G (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Xét, ông T và bà P đã ly hôn vào năm 2022, sau đó tái hợp và đăng ký kết hôn lại vào năm 2024 thể hiện ông T và bà P đã cố gắng giải tỏa mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

- Xét, ông T và bà P đoàn tụ và chung sống hạnh phúc với nhau được thời gian ngắn thì xãy ra bất đồng quan điểm sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Tòa án đã triệu tập bà P tham gia hòa giải để phân tích, động viên vợ chồng giải tỏa mâu thuẫn, hàn gắn đoàn tụ nhưng bà P không đến Tòa theo giấy triệu tập. Căn cứ Điều 8 của Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2020 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của ông T và bà N trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử quyết định cho ly hôn.

[4] Về con chung: Bà P đang trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Trần Thế P1, sinh ngày 10/7/2010 và Nguyễn Trần Huy T1, sinh ngày 15/02/2013. Xét, ông T đồng ý giao hai con chung cho bà P nuôi là đảm bảo quyền lợi chính đáng và sự ổn định cho con nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Trần Thế P1 là 3.000.000 đồng/tháng và Nguyễn Trần Huy T1 là 3.000.000 đồng/tháng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về chia tài sản khi ly hôn và nợ chung: Căn cứ Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không giải quyết do ông T không có yêu cầu.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và án phí sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh T được ly hôn với bà Trần Túy P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 68/2024 ngày 18/6/2024 của Ủy ban nhân dân phường A, quận G (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực.

2. Về con chung: bà P được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Trần Thế P1, sinh ngày 10/7/2010 và Nguyễn Trần Huy T1, sinh ngày 15/02/2013.

Ông T cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Trần Thế P1 mỗi tháng là 3.000.000 đồng và cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Trần Huy T1 mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Ông T thực hiện cấp dưỡng nuôi con ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người

trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về chia tài sản khi ly hôn và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0024722 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T còn phải nộp số tiền án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Hồng Đào

Thành viên
Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Thị Hồng Đào

Nơi nhận:
TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- Tòa án nhân dân Vũ phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Ủy ban nhân dân phường Bến Nghé, Quận 1;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

Châu Thị Hồng Đào